

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 39/2022/HC-GĐT

Ngày 29-9-2022

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Biên Thùy.

Các Thẩm phán: - Ông Ngô Tiến Hùng;

- Ông Trần Văn Cò;

- Ông Trần Hồng Hà;

- Bà Đào Thị Minh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lê Tiến và ông Nguyễn Việt Hùng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa xét xử giám đốc thẩm vụ án hành chính về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H;

Địa chỉ: số 305 NTH, thành phố QN, tỉnh Bình Định.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định;

Địa chỉ: số 01 đường TP, thành phố QN, tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định: Ông Phan Cao T, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 20/GUQ-UBND ngày 18/9/2018).

2. Ủy ban nhân dân thành phố QN, tỉnh Bình Định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố QN, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ: số 30 đường NH, thành phố QN, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố QN và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố QN: Ông Nguyễn Công V, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố QN, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 09/GUQ-UBND ngày 05/6/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

1. Bà Nguyễn Thị H1;

2. Bà Nguyễn Thị Thúy H2.

Cùng địa chỉ: số 305 NTH, thành phố QN, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 09/9/1987, ông Nguyễn Văn H nhận chuyển nhượng thửa đất vườn diện tích 990m² tại tổ 15, khu vực 4, phường QT, thành phố QN, tỉnh Bình Định của bà Lê Thị C để xây dựng nhà ở và cơ sở sản xuất kinh doanh TL, việc chuyển nhượng không có xác nhận của chính quyền địa phương. Ngày 09/12/1989, Ủy ban nhân dân thành phố QN ban hành Quyết định số 271/QĐ-UB cho phép cơ sở TL được hoạt động sản xuất kinh doanh với những nhiệm vụ thi công cơ khí tổng hợp công nghiệp nặng, khoan giếng và khai thác nước ngầm. Ngày 14/3/1994, ông H và bà Nguyễn Thị H1 (vợ ông H) được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp Sổ chứng nhận quyền sở hữu nhà đối với ngôi nhà có diện tích 140m² (không ghi diện tích đất ở).

Năm 1998, thực hiện Dự án mở đường QN - SC (sau đây viết tắt là Dự án 1), Ủy ban nhân dân thành phố QN thu hồi thu hồi 274,41m² đất của gia đình ông H (trong đó có 36,02m² thuộc hành lang giao thông nên không được bồi thường, còn lại diện tích 238,39m² đất, ông H được bồi thường 100m² với giá đất ở và 138,39m² với giá đất vườn). Sau khi nhận tiền bồi thường, ông H không bàn giao diện tích 238,39m² đất đúng chỉ giới. Năm 2001, Nhà nước cưỡng chế thu hồi đất đúng chỉ giới để thực hiện Dự án 1.

Do ông H có đơn khiếu nại yêu cầu bồi thường: những tài sản bị thiệt hại trong quá trình cưỡng chế thu hồi đất, 01 giếng khoan công nghiệp (bị ảnh hưởng khi thu hồi đất nhưng chưa được bồi thường), toàn bộ diện tích đất bị thu hồi theo giá đất ở. Ngày 17/12/2001, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố QN ban hành Quyết định số 1894/QĐ-UB giải quyết khiếu nại lần đầu và ngày 13/6/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 2043/QĐ-UB giải quyết khiếu nại lần hai, đều không công nhận nội dung khiếu nại của ông H.

Năm 2015, thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba LV đến bến xe liên tỉnh Bình Định (sau đây viết tắt là Dự án 2), Ủy ban nhân dân thành phố QN ban hành Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 thu hồi 357,5m² đất của gia đình ông H (trong đó có 106,4m² đất ở; 251,1m² đất nông nghiệp) và Quyết định số 7582/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án 2; theo đó,

gia đình ông H được bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà, vật kiến trúc và cây trồng trên đất với số tiền 2.196.440.829 đồng; được giao 01 lô đất tái định cư diện tích 172,5m² tại mặt đường quốc lộ 1D, có thu tiền sử dụng đất.

Ông H có đơn khiếu nại đề nghị bồi thường 357,5m² theo giá đất thương mại dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 3 Điều 16 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, yêu cầu được cấp đất tái định cư với mặt tiền 33,8m (tương xứng với mặt tiền của phần đất bị thu hồi). Ngoài ra, ông H yêu cầu tiếp tục bồi thường đối với 291,8m² đất bị ảnh hưởng bởi Dự án 1 và 01 giếng khoan công nghiệp.

Ngày 05/4/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố QN ban hành Quyết định số 1894/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần đầu), với nội dung: *“Không công nhận nội dung đơn của hộ ông Nguyễn Văn H: Khiếu nại, yêu cầu bồi thường diện tích đất thu hồi và tài sản thiệt hại khi thực hiện Dự án 1; bồi thường đất thương mại, dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 16 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh và khoản 4 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, cấp đất tái định cư có mặt tiền tương xứng 33,8m chiều ngang do bị ảnh hưởng bởi Dự án 2”*. Tại Quyết định 1894/QĐ-UBND còn xác định trong Dự án 1, hộ ông H đã nhận bồi thường nhưng chưa trao trả mặt bằng đúng chỉ giới là 41,9m². Do đó, trong 357,5m² thu hồi tại Dự án 2 có 41,9m² không được nhận bồi thường nữa.

Ngày 19/4/2016, Ủy ban nhân dân thành phố QN ban hành Quyết định số 2268/QĐ-UBND điều chỉnh nội dung Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015, cụ thể như sau: *“Từ thu hồi 357,5m² (đất ở: 106,4m², đất nông nghiệp: 251,1m²)... điều chỉnh thành thu hồi 357,5m² (đất ở: 106,4m², đất vườn: 209,2m², đất đã bồi thường năm 1998: 41,9m²)”*. Đồng thời, Ủy ban nhân dân thành phố QN cũng đã ban hành quyết định giảm số tiền bồi thường, hỗ trợ là 138.856.600 đồng (tương ứng với 41,9m² đất vườn).

Ngày 05/7/2016 và ngày 01/8/2016 ông H có đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án ông đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 về thu hồi đất của ông H, Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 về việc giải quyết khiếu nại của ông H và Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015. Ông H cho rằng: Khi thực hiện Dự án 1, Nhà nước thu hồi 450,24m² đất của gia đình ông nhưng ông mới nhận tiền đền bù đối với 100m² đất ở, phần diện tích còn lại và 01 giếng khoan công nghiệp ông chưa được đền bù. Đồng thời, năm 2001 khi thi công đường, Nhà nước đã lấn thêm 59,2m² đất và gây thiệt hại về tài sản trên đất với số tiền 174.000.000 đồng. Khi thực hiện Dự án 2, phần đất 357,5m² bị thu hồi được gia đình ông sử dụng làm cơ sở kinh doanh ngành nghề dịch vụ khai thác nước ngầm, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước... (là đất thương mại, dịch vụ) nhưng Nhà nước lại bồi thường theo giá đất nông nghiệp và không cấp đất tái định cư có mặt tiền 33,8m để gia đình ông ổn định kinh doanh là không đúng.

Ngày 17/8/2018 (sau khi xét xử phúc thẩm lần 1), ông H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 13/6/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của ông H.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trình bày:

Thực hiện Dự án 1, Hội đồng giải phóng mặt bằng đã bồi thường thiệt hại cho gia đình ông H với số tiền 113.534.000 đồng. Ông H đã nhận tiền và ký cam kết từ ngày 11/11/1999 đến ngày 18/11/1999 sẽ tháo dỡ công trình để trả lại mặt bằng cho Nhà nước. Quá thời hạn trên ông H không thực hiện cam kết nên ngày 23/5/2001, Hội đồng giải phóng mặt bằng đã tổ chức cưỡng chế tháo dỡ hàng rào để đảm bảo tiến độ thi công tuyến đường. Khi ông H có đơn khiếu nại về việc bồi thường và cưỡng chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố QN ban hành Quyết định số 1894/QĐ-UB ngày 17/12/2001 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 2043/QĐ-UB ngày 13/6/2002 không công nhận nội dung khiếu nại của ông H là đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố QN và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố QN trình bày:

Theo bản đồ năm 1998 (Dự án 1), thửa đất của gia đình ông H có diện tích 1.001,8m² thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 12. Theo bản đồ địa chính lập năm 2000, đất của gia đình ông H thuộc thửa số 60, tờ bản đồ số 32, diện tích 819,8m². Bản đồ đo đạc hiện trạng thu hồi đất thực hiện Dự án 2 thể hiện: Thửa đất của gia đình ông H có diện tích 795,8m², trong đó thu hồi 357,5m², còn lại 438,3m². Sau đó, do xác định được trong 357,5m² bị thu hồi có 41,9m² đã được bồi thường tại Dự án 1 nên Ủy ban nhân dân thành phố QN đã ban hành quyết định điều chỉnh giảm diện tích thu hồi và giảm số tiền bồi thường.

Ủy ban nhân dân thành phố QN và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố QN ban hành Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015, Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 và Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị Thúy H2 trình bày: Các bà thống nhất với phần trình bày và yêu cầu của ông H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2017/HC-ST 14/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh B quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án hủy bỏ các Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015, Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố QN, tỉnh Bình Định và Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố QN, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/6/2017, ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 11/7/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị số 15/2017/KN-HC-VC2, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm hủy toàn Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2017/HC-ST ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 161/2017/HC-PT ngày 20/9/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2017/HC-ST ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2018/HC-ST ngày 30/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2043/QĐ-UB ngày 13/6/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án hủy bỏ các Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015, Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố QN, tỉnh Bình Định và Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố QN, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13/12/2018, ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 42/2019/HC-PT ngày 11/4/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

Bác đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 09/5/2019 và 23/3/2021, ông Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xem xét lại Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm, với nội dung: Diện tích đất của gia đình ông được sử dụng để xây dựng xưởng kinh doanh dịch vụ thương mại sửa chữa ngành tiểu thủ công nghiệp từ năm 1987, là loại đất kinh doanh thương mại. Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện 02 dự án, gia đình ông chỉ được bồi thường 100m² theo giá đất ở, còn lại 837,81m² bồi thường theo giá đất nông nghiệp là không đúng. Ông khiếu kiện về việc thu hồi đất và bồi thường tài sản trên đất, Tòa án bác đơn của ông là không đúng.

Ngày 08/4/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 04/QĐ-VKS-HC kháng nghị đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 42/2019/HC-PT ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng theo thủ tục giám đốc thẩm. Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên và Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về nội dung “*Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án hủy bỏ các Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015, về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn H, Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố QN, Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố QN ban hành về việc giải quyết khiếu nại của ông H*”; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Để thực hiện Dự án 2, ngày 28/10/2015, Ủy ban nhân dân thành phố QN ban hành Quyết định số 7583/QĐ-UBND thu hồi 357,5m² (trong đó có 106,4m² đất ở và 251,1m² đất nông nghiệp) tại một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 32 thuộc phường QT, thành phố QN của gia đình ông H. Tại Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố QN (điều chỉnh nội dung Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015) đã xác định: Trong 357,5m² đất thu hồi có 41,9m² đã được bồi thường tại Dự án 1 nên diện tích đất thu hồi tại Dự án 2 là 106,4m² đất ở và 209,2m² đất vườn. Theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố QN đã ban hành Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông H, với số tiền 138.856.600 đồng (tương ứng với 41,9m² đất vườn).

[2] Nguồn gốc thửa đất số 60 là ông H nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị C vào năm 1987, loại đất vườn diện tích 990m². Quá trình sử dụng, ông H đã xây nhà trên đất và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp Sổ chứng nhận quyền sở hữu nhà ngày 14/3/1994 đối với ngôi nhà có diện tích 140m². Mặc dù ông H còn xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh TL hoạt động trong lĩnh vực thi công cơ khí tổng hợp công nghiệp nặng, khoan giếng, khai thác nước ngầm và nộp thuế sử dụng đất nhưng chưa có căn cứ xác định ông H đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn sang đất phi nông nghiệp. Do đất của hộ gia đình ông H không phải là đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp nên không áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

để bồi thường 209,2m² theo giá đất ở. Khi thu hồi đất để thực hiện Dự án 1, ông H cũng đã được bồi thường 100m² theo giá đất ở. Do đó, khi thực hiện Dự án 2, Ủy ban nhân dân thành phố QN xác định diện tích 106,4m² được bồi thường theo giá đất ở và diện tích còn lại được bồi thường theo giá đất vườn là có cơ sở.

[3] Đối với việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường 41,9m² đất: Khi thực hiện Dự án 1, gia đình ông H bị thu hồi 238,39m² và được bồi thường số tiền là 113.234.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H xác định đã nhận số tiền này. Tại Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 23/02/2016 về việc xác định chỉ giới giải phóng mặt bằng giai đoạn 1 năm 1998, thể hiện: chỉ giới giải phóng mặt bằng tại Dự án 1 làm căn cứ đo lại thửa đất của gia đình ông H được xác định là “lộ giới 20m, tim đường vào mỗi bên 10m”. Theo đó, trong 357,5m² thu hồi tại Dự án 2 có 41,9m² của Dự án 1. Việc xác định chỉ giới giải phóng mặt bằng Dự án 1 tại Biên bản kiểm tra hiện trường nêu trên là đúng với chỉ giới đã được ghi nhận trong Văn bản số 90/TL-QLDA ngày 28/6/2001 của Ban Quản lý dự án công trình giao thông Bình Định “Theo chỉ giới giải tỏa giai đoạn 1, từ tim đường ra mỗi bên là 10m...”. Do đó, tại Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 19/4/2016, Ủy ban nhân dân thành phố QN đã điều chỉnh nội dung Quyết định số 7583/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố QN về thu hồi đất (điều chỉnh giảm 41,9m² diện tích đất được bồi thường của gia đình ông H) là có căn cứ.

[4] Về yêu cầu được bồi thường giếng khoan công nghiệp: Ông H yêu cầu được bồi thường thiệt hại đối với 02 giếng khoan công nghiệp (01 giếng khoan bị thiệt hại tại Dự án 1 và 01 giếng khoan bị thiệt hại tại Dự án 2). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu ông H cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc xây dựng 02 giếng khoan đã được nghiệm thu bởi cơ quan có thẩm quyền nhưng ông H không cung cấp được. Ông H cũng không yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các giếng khoan vì cho rằng 02 giếng khoan đã nằm dưới lòng đường quốc lộ 1D. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu bồi thường giếng khoan công nghiệp của ông H.

[5] Như vậy, không có căn cứ để chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 04/QĐ-VKS-HC ngày 08/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 42/2019/HC-PT ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 272 Luật Tổ tụng hành chính;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 04/QĐ-VKS-HC ngày 08/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 42/2019/HC-PT ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính phúc thẩm số 42/2019/HC-PT ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- VKSNDTC (Vụ 10);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng (để biết);
- TAND tỉnh Bình Định (để biết);
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Vụ GDKTHH (2b), Vụ PC&QLKH TANDTC, HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Biên Thùy